

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 12 - 2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thuận, bà Ngô Thị Thu Hoà.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Đức T - Sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Ông T, bà T1 vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Đỗ Đức T trình bày: Ông và bà Phạm Thị T1 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã P), huyện Ý, tỉnh Nam Định vào ngày 23/11/1993. Thời gian đầu chung sống bình thường hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống hôn nhân bế tắc. Nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống và công việc. Ông và bà T1 đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị T1. Về con chung: Ông và bà Phạm Thị T1 có 02 con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 06/11/1994 và Đỗ Anh T2, sinh ngày 08/4/1996. Hai con chung hiện đã trưởng thành và đã tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai nộp cho Tòa án bà Phạm Thị T1 trình bày: Bà chung sống với ông Đỗ Đức T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y (nay là xã P) huyện Ý tỉnh Nam Định vào ngày 23/11/1993. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T có quan hệ với người đàn bà khác. Bà đã tha thứ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Bà và ông T đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ năm 2020 đến nay. Nay ông T làm đơn xin ly hôn bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì nghĩ đến con cái. Về con chung: Bà và ông Đỗ Đức T có 02 con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 06/11/1994 và Đỗ Anh T2, sinh ngày 08/4/1996. Các con chung đã đến tuổi trưởng thành tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc bà không thể đến Tòa án để trực tiếp giải quyết việc ly hôn được vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Đức T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố lý do các đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước khi thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Đức T, xử ly hôn giữa ông Đỗ Đức T và bà Phạm Thị T1. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Ông T, bà T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Đỗ Đức T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn”. Bà Phạm Thị T1 hiện đang cư trú tại thôn T xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Đức T, bà Phạm Thị T1 đều xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đức T và bà Phạm Thị T1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã P) huyện Ý tỉnh Nam Định vào ngày 23/11/1993 nên hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự tin tưởng, yêu thương, chung thủy với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông T, bà T1 đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ năm 2020 đến nay. Ông Đỗ Đức T xác định không còn tình cảm với bà Phạm Thị T1 nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bà Phạm Thị T1 mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nữa. Xét hôn nhân của ông Đỗ Đức T và bà Phạm Thị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của ông Đỗ Đức T, xử cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Đỗ Đức T và bà Phạm Thị T1 có 02 con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 06/11/1994 và Đỗ Anh T2, sinh ngày 08/4/1996. Các con chung đã đến tuổi trưởng thành tự lập được ông T, bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đức T, bà Phạm Thị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Đỗ Đức T phải nộp án phí ly hôn sơ theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa ông Đỗ Đức T và bà Phạm Thị T1.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đức T, bà Phạm Thị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Ông Đỗ Đức T phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003733, ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Ông Đỗ Đức T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Ông Đỗ Đức T, bà Phạm Thị T1 được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Hưng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Nhân;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Tân;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

3. Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Tân;
- 4. - Hồ sơ vụ án;
- 5. - Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh H1

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Tân;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền